TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 539 /2019/HSPT
Ngày 11/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Hồng Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Tĩnh;

Ông Ngô Tự Học.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 495/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo Sùng Thị X và Hà Thị Bích N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HSST ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Sùng Thị X, sinh ngày 20/8/1980; đăng ký hộ khẩu tH5 trú tại thôn PVT, xã PV, huyện MV, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Thư ký Tòa án, đã bị tạm đình chỉ công tác; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: HMông; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể: Đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông Sùng Đại D và bà Thào Thị C (đều đã chết); có chồng là Nông Văn T và có 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014); chưa có tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/5/2018 (có mặt).

2. Hà Thị Bích N, sinh ngày 01/5/1969; đăng ký hộ khẩu tH5 trú tại tổ 4, pH5 TP, thành phố HG, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; đoàn thể: Đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông Hà Văn T1 (tên tH5 gọi Hồ T1, đã chết) và bà Nguyễn Thị H1; có chồng là Lê Văn T2 và có 02 con; chưa có tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giam từ ngày 23/8/2018 đến ngày 17/12/2018, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Bảo lĩnh, hiện tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo X*: Luật sư Cao Xuân Bé - Văn phòng luật sư Cao Xuân Bé thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Giang (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo N*: Luật sư Ngô Trung K - Văn phòng luật sư Gia Long thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Giang (có mặt).

- *Người bị hại có kháng cáo:*

1. Ông Mùng Sảo S1, sinh năm 1957; nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn ĐV, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang (có mặt).

2. Anh Lý Văn B, sinh năm 1991; nơi cư trú: Xóm BT, xã NS, huyện MV, tỉnh Hà Giang (có mặt).

3. Bà Vi Thị Đ1, sinh năm 1961; nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn MV, huyện MV, tỉnh Hà Giang (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Diệu Hg và 14 người bị hại không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ xã hội, Sùng Thị X quen biết Hà Thị Bích N nên X gọi điện cho N đặt vấn đề xin việc cho cháu của X, sau đó giữa X và N thống nhất việc nhận tiền và hồ sơ xin việc của những người khác có nhu cầu xin việc làm để chuyển cho N, N sẽ trao đổi bàn bạc với Nguyễn Diệu Hg để thực hiện xin việc. Từ tháng 4/2013 đến tháng 4/2017, X đã nhận tiền và hồ sơ xin việc của 17 bị hại và hứa hẹn xin việc làm cho 18 trường hợp theo yêu cầu của các bị hại để được chuyển công tác và vào làm ở các ngành trong cơ quan Nhà nước tại tỉnh Hà Giang như: Ngành thuế, ngành y, ngành giáo dục, làm văn thư… Tổng số tiền X đã nhận của 06 bị hại trong giai đoạn giải quyết tố giác là 1.370.000.000 đồng, sau khi khởi tố vụ án, cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Giang mở rộng điều tra phát sinh thêm 08 bị hại với số tiền là 1.155.000.000 đồng, trong đó có 04 bị hại có đơn tố giác Sùng Thị X về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, còn 04 bị hại không có đơn đề nghị vì X đã trả hết tiền cho bị hại. Cả hai giai đoạn điều tra, các bị hại đã tố giác X nhận số tiền là 2.525.000.000 đồng. Sùng Thị X đã chuyển cho Hà Thị Bích N số tiền là 1.255.000.000 đồng cùng 15 hồ sơ xin việc và 01 thông tin cá nhân, N đã chuyển cho Nguyễn Diệu Hg số tiền là 140.000.000 đồng cùng 03 bộ hồ sơ xin việc. Số tiền Sùng Thị X giữ lại chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân là 1.270.000.000 đồng; Hà Thị Bích N giữ lại sử dụng vào mục đích cá nhân là 1.115.000.000 đồng; Nguyễn Diệu Hg chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân là 140.000.000 đồng. Để các bị hại tin tưởng X đã đưa ra thông tin là có mối quan hệ rộng, quen biết nhiều lãnh đạo, có khả năng xin được việc làm, vì vậy các bị hại trong đó có ông Mùng Sảo S1, anh L1 Văn B, bà Vi Thị Đ1 đã đưa tiền và hồ sơ xin việc cho X, cụ thể như sau:

1. Bị hại Mùng Sảo S1: Khoảng tháng 10/2015, ông Mùng Sảo S1 cùng vợ là Nguyễn Thị L2 và con gái ông S1 tên là Mùng Thị Thu L1 đến huyện MV để chị L1 nộp hồ sơ dự thi tuyển công chức (chị L1 tốt nghiệp hệ trung cấp trường Đại học sư phạm Hà Nội). Khi đến huyện MV, vợ chồng ông S1 vào nhà chị Cử Thị D1, sinh năm 1986, trú tại thôn PVT, xã PV, huyện MV, tỉnh Hà Giang chơi, tại đây ông S1 gặp Sùng Thị X, X biết ông S1 có con gái đang có nhu cầu xin việc nên đã đặt vấn đề xin việc cho L1, X nói với ông S1 là có mối quan hệ rộng, có khả năng xin được việc làm, ông S1 đã nhờ X xin việc cho con gái mình. X đã gọi điện bàn bạc với Hà Thị Bích N, N đồng ý sẽ xin việc cho L1 với điều kiện X phải đưa cho N số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi thống nhất với N, X nói với ông S1 là sẽ xin cho L1 vào làm văn thư tại UBND huyện ĐV, với điều kiện phải đưa cho X số tiền 140.000.000 đồng nhưng trước mắt phải đưa hồ sơ xin việc và đưa trước cho X số tiền 40.000.000 đồng, ông S1 đồng ý và gọi điện cho chị L1 nói mang hồ sơ về đưa cho X luôn tại nhà chị D1. Khoảng 03 ngày sau, ông S1 mang 40.000.000 đồng đến nhà chị D1 đưa cho X, X viết giấy biên nhận với ông S1 dưới dạng giấy vay tiền. Đến đầu tháng 11/2015, X gọi điện cho ông S1 nhờ tìm giúp một người có B kế toán hoặc văn phòng để vào làm việc tại Chi cục thuế huyện MV; ông S1 đặt vấn đề với X về việc xin cho anh Mùng Văn Th là con trai của ông S1 hiện đang làm hợp đồng tại Trung tâm dịch vụ Công cộng Môi trường và cấp thoát nước huyện MV thì X nói là được và hẹn ông S1 sang huyện MV để bàn bạc cụ thể, ông S1 đồng ý và đi sang huyện MV gặp X tại nhà chị D1, X hứa sẽ xin cho Th vào làm tại Chi cục thuế huyện MV với điều kiện ông S1 phải đưa cho X số tiền 190.000.000 đồng, ông S1 đồng ý. Ngày 25/11/2015, hai vợ chồng ông S1 đi sang huyện MV đưa cho X số tiền 280.000.000 đồng tại nhà chị D1, nhận được tiền X yêu cầu ông S1 hủy giấy biên nhận trước (giấy biên nhận tiền xin việc cho L1) và viết gộp lại thành một giấy biên nhận dưới dạng giấy vay tiền thể hiện X đã vay của ông S1 số tiền 320.000.000 đồng, khoảng một tuần sau, ông S1 gửi chị Mùng Thị X1 (em gái ông S1) đưa thêm cho X số tiền 10.000.000 đồng nhưng không viết giấy biên nhận, đây là số tiền xin việc cho Th. Tổng cộng, X đã nhận của ông S1 330.000.000 đồng để xin việc cho hai con ông S1 là chị Mùng Thị Thu L1 và anh Mùng Văn Th. X hẹn với ông S1 là trong tháng 01/2016, Th sẽ có quyết định đi làm. Sau khi nhận được tiền, X đã nhờ chuyển vào tài khoản cho N tổng số tiền 200.000.000 đồng, nhưng không nhớ từng lần chuyển, mỗi lần chuyển là bao nhiêu, trong đó 100.000.000 đồng xin việc cho L1, 100.000.000 đồng xin việc cho Th. Sau khi nhận được tiền, X và N không đi xin việc cho con ông S1 như đã hứa mà đã chiếm đoạt sử dụng hết vào mục đích cá nhân, hồ sơ xin việc thì N đã tiêu hủy. Ông S1 nhiều lần đòi lấy lại tiền nhưng đến nay X mới trả lại được cho ông S1 130.000.000 đồng, cụ thể: Tháng 02/2017, X chuyển trả qua thẻ của Th hai lần, một lần 20.000.000 đồng, một lần trả 10.000.000 đồng; trả trực tiếp các ngày 01/9/2017, 29/9/2017, 03/10/2017, 06/10/2017 mỗi lần 10.000.000 đồng; tháng 11/2018, các bị cáo trong vụ án đã tự giác khắc phục hậu quả trả lại cho X để X trả cho ông S1 số tiền 60.000.000 đồng. Tổng cộng X đã trả lại cho ông S1 130.000.000 đồng, số tiền còn lại 200.000.000 đồng X không có khả

năng trả cho ông S1. Ngày 27/3/2018, ông S1 gửi đơn đến Công an huyện MV, tố giác X về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ông Mùng Sảo S1 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy vay tiền không đề ngày; 01 giấy cam kết đề ngày 21/10/2016; 01 giấy hẹn trả tiền đề ngày 13/4/2017; 01 biên bản trả tiền nợ ngày 24/12/2016. Toàn bộ giấy tờ trên có chữ ký của Sùng Thị X.

2. Bị hại L1 Văn B: Thông qua chị Vừ Thị H3, sinh năm 1979, trú tại thôn Tìa Chí Đơ, xã Giàng Chu Phìn, huyện MV, tỉnh Hà Giang, chị H3 cho anh B số điện thoại của X. Sau đó, anh B đã gọi điện thoại trao đổi trực tiếp với X nhờ xin việc, anh B tốt nghiệp hệ trung cấp điều dưỡng năm 2013 của Trường trung cấp y tỉnh Hà Giang nhưng chưa xin được việc làm, X đồng ý và hứa xin cho anh B được vào làm việc tại Trung tâm Y tế Hà Giang với điều kiện anh B phải đưa cho X 180.000.000 đồng cùng một bộ hồ sơ xin việc, anh B đồng ý. Ngày 08/3/2016, anh B cùng chị H3 đến nhà X đưa cho X 100.000.000 đồng và một hồ sơ xin việc tên anh B; khi nhận tiền, X viết cho anh B một giấy biên nhận dưới dạng giấy vay tiền còn hồ sơ xin việc thì X cho anh B địa chỉ nhà của Hà Thị Bích N để anh B tự mang đến nhà N. Khoảng 03 ngày sau, anh B mang hồ sơ đến nhà N. Do N không có ở nhà nên anh B đã để hồ sơ tại gara xe nhà N. Đến đầu tháng 4/2016, anh B cùng vợ đến nhà X đưa cho X số tiền 80.000.000 đồng, sau khi nhận đủ tiền X nói anh B hủy tờ giấy trước và viết gộp lại thành một giấy vay tiền, nhưng do tờ giấy trước X viết có chị H3 ký chứng kiến nên anh B đã nói với X là mang giấy vay tổng này cho chị H3 ký chứng kiến, X đồng ý. X nhờ cháu của X chuyển vào tài khoản cho Hà Thị Bích N 120.000.000 đồng. Sau khi N nhận được tiền và hồ sơ xin việc thì gọi điện thoại cho Nguyễn Diệu Hg đến nhà lấy hồ sơ và tiền xin việc, theo thỏa thuận giữa N và Hg, N đưa cho Hg 60.000.000 đồng, Hg nhận tiền và hồ sơ xin việc, đã ký nhận với N tại quyển sổ nhật ký có ghi nội dung xin việc cho anh B. Sau khi nhận được tiền và hồ sơ, Hg không xin việc cho anh B như đã hứa mà sử dụng tiền vào mục đích cá nhân, anh B đòi X nhiều lần nhưng X chỉ trả được cho anh B 60.000.000 đồng, còn lại 120.000.000 đồng thì không có khả năng thanh toán. Đến ngày 09/01/2017, anh B gửi đơn đến Công an huyện MV tố giác X về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Anh B đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy vay tiền không đề ngày có nội dung nhận tiền xin việc và trả tiền, có chữ ký của Sùng Thị X.

3. Bị hại Vi Thị Đ1: Tháng 3/2016, chịĐ1 có việc đến Tòa án nhân dân huyện MV, tại đây chị Đ1 được Sùng Thị X cho biết có thể xin cho người khác vào làm việc tại Cục thuế tỉnh Hà Giang và X nói với chị Đ1 nếu có anh em quen biết có nhu cầu xin việc thì giới thiệu cho X. Nghe X nói vậy chịĐ1 nói với X là có con gái tên là Hà Thị Thanh B2 hiện đang là giáo viên tại xã Tả Lủng, huyện MV muốn xin chuyển về Hà Giang để gần chồng, X đồng ý xin cho con gái chị Đ1 chuyển công tác về Cục thuế tỉnh Hà Giang với điều kiện chị Đ1 phải đưa cho X số tiền 230.000.000 đồng và hồ sơ xin việc, X khẳng định là sau một tháng chị B2 sẽ có quyết định đi làm, chị Đ1 đồng ý. Vào cuối tháng 3/2016, chị Đ1 gọi X đến nhà

chịĐ1 lấy tiền, X đi cùng cháu của X là Sùng Việt Q đến nhà chịĐ1, tại đây chị Đ1 đã đưa cho X 160.000.000 đồng và hồ sơ xin việc của chị B2, nhận đủ tiền X bảo Q viết giấy biên nhận giúp X dưới dạng giấy vay tiền; ngày 02/4/2016, X và Q tiếp tục đến nhà chị Đ1 lấy số tiền 70.000.000 đồng, sau khi nhận tiền, X bảo chị Đ1 hủy giấy biên nhận lần trước và đọc cho Q viết gộp lại thành một giấy với tổng số tiền 230.000.000 đồng dưới dạng giấy vay tiền. Số tiền xin việc cho Hà Thị Thanh B2 thì theo thỏa thuận giữa X và N, X đã chuyển hồ sơ của chị B2 qua xe khách MV - Hà Giang, còn tiền thì nhờ cháu của X chuyển vào tài khoản cho N với số tiền 180.000.000 đồng, nhưng N không thừa nhận được nhận số tiền trên, cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng không có căn cứ xác định lời khai. Sau khi nhận tiền, hồ sơ, N và X không xin chuyển công tác cho con chịĐ1 như đã hứa, số tiền 230.000.000 đồng đến nay X chưa trả cho chị Đ1, hồ sơ xin việc N đã tiêu hủy. Quá trình khám xét không phát hiện, thu giữ được tài liệu liên quan.

Do tin tưởng nên tháng 6/2016, chị Đ1 nhận 01 bộ hồ sơ xin việc mang tên Lê Bá D3 từ chị Chu Thu H4 (là cháu của chị Đ1) và số tiền 240.000.000 đồng. ChịĐ1 nhờ X xin việc cho anh D3, X nói nếu xin vào làm tại Sở Công thương thì phải đưa cho X tổng số 250.000.000 đồng. Ngày 09/6/2016, chị Đ1 gọi X đến nhà chịĐ1 lấy tiền, X cùng Q (cháu của X) đến nhà chịĐ1 nhận số tiền 60.000.000 đồng. Nhận được tiền và hồ sơ xin việc, X chuyển hồ sơ cho N nhưng không chuyển tiền, đến khi không xin được việc cho anh D3, X đã trả lại tiền cho chị Đ1 và chịĐ1 đã trả lại hết tiền cho gia đình anh D3, gia đình anh D3 không đề nghị gì. Ngày 23/02/2017, chị Đ1 gửi đơn đến Công an huyện MV, tố giác X về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Chị Vi Thị Đ1 giao nộp cho cơ quan điều tra 01 giấy vay tiền đề ngày 9/6/2016; 01 giấy vay tiền thể hiện vay 230.000.000 đồng có chữ ký của X.

Tại bản Kết luận giám định số: 208, ngày 22/6/2017, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: *Chữ viết, chữ ký dưới mục "người vay", "người cam kết trả tiền", "người nợ tiền" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A10, so với chữ viết, chữ ký trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người viết và ký ra*.

Tại bản Kết luận giám định số 263 ngày 15/8/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: *Chữ viết, chữ ký của Nguyễn Diệu Hg trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết và ký ra*.

Tại bản Kết luận giám định số 4839 ngày 28/9/2018, Viện kH3 học hình sự Bộ Công an, kết luận: *Trong các mẫu giám định có lưu trữ các tin nhắn. Đã trích xuất được dữ liệu trong các mẫu giám định. Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép chỉnh sửa nội dung trong các tin nhắn*.

Tại Kết luận giám định số 350 ngày 06/11/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: *Chữ viết, chữ ký của Sùng Việt Q, Sùng Thị X, Hà Thị Bích N trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết và ký ra*.

Tại Kết luận giám định số 02 ngày 23/11/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: *Chữ viết đứng tên Phạm Thị H5 trên tài liệu cần giám định so với chữ viết của Nguyễn Diệu Hg trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra.*

Tương tự hành vi nêu trên, bị cáo Sùng Thị X còn chiếm đoạt của các bị hại khác, cụ thể: Chiếm đoạt của bị hại Hoàng Hải Nhi số tiền 210.000.000 đồng; bị hại Mùng Thị X1 số tiền 43.000.000 đồng; bị hại Nguyễn Thị Minh P số tiền 200.000.000 đồng; bị hại Nguyễn N Cường số tiền 50.000.000 đồng; bị hại Ly Mí N2 số tiền 20.000.000 đồng; bị hại Hà Đình Th số tiền 40.000.000 đồng; bị hại N Thị H số tiền 150.000.000 đồng. Ngoài ra, còn một số người bị hại khác nhưng X đã trả hết và những người này không đề nghị gì.

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 21 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo: Sùng Thị X, Hà Thị Bích N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Nguyễn Diệu Hg về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HSST ngày 24-5-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Sùng Thị X, Hà Thị Bích N phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Sùng Thị X 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/5/2018.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; các điểm b, p, s khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hà Thị Bích N 04 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2018 đến ngày 17/12/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Diệu Hg; trách nhiệm dân sự; xử L1 vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/6/2019, người bị hại là ông Mùng Sảo S1, anh L1 Văn B, bà Vi ThịĐ1 đều kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Sùng Thị X, Hà Thị Bích N.

Ngày 11/6/2019, bị cáo Sùng Thị X kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng đơn kháng cáo của bị cáo X đã quá hạn luật định nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xét và quyết định không chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn của Sùng Thị X.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày như sau: Các bị cáo đều là những người có học thức, thực hiện hành vi phạm tội có tổ chức, thực hiện hành vi lừa đảo nhiều người và đến nay chưa trả được hết các khoản tiền cho các bị hại nên không đồng ý Tòa án áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử tăng hình phạt áp dụng đối với X lên mức 15 năm tù và N lên mức án từ 06 đến 08 năm tù.

- Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo X: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không kháng cáo là thể hiện sự ăn năn hối cải, nhận thức được hành vi phạm tội của mình; bị cáo đang có hoàn cảnh chồng đang ly hôn, bị cáo có 02 con còn nhỏ, bản thân là người dân tộc thiểu số lần đầu phạm tội, bố của bị cáo có công với cách mạng. Trong vụ án này, các bị cáo đã bồi thường được trên 50% số tiền cho các bị hại. Đề nghị xem xét để bị cáo sớm được trở về với xã hội lao động khắc phục hậu quả.

- Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo N: Các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên không kháng cáo. Tại phiên tòa hôm nay, các bị hại kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ nên đề nghị bác kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, đánh giá các tình tiết có trong hồ sơ vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá nội dung kháng cáo kháng cáo của các bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Căn cứ chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người bị hại, của Luật sư và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo khai nhận các hành vi đã thực hiện như bản án sơ thẩm quy kết và thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội, không oan. Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo thấy phù hợp với các lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, của người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định, các vật chứng được thu giữ và hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định:

Mặc dù không có chức năng, thẩm quyền thuyên chuyển công tác hoặc tuyển dụng người vào làm các công việc như ý tế, giáo dục, văn phòng…trong các cơ quan Nhà nước, nhưng để có tiền chi tiêu cho cá nhân, các bị cáo đã giới thiệu với những người có nhu cầu muốn xin cho con, em mình vào làm các công việc trong các cơ quan Nhà nước là các bị cáo có khả năng thực hiện được các công việc như đã nêu.

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2013 đến tháng 4/2017, bị cáo Sùng Thị X đã nhận tiền, hồ sơ xin việc của 17 người bị hại và hứa hẹn xin việc làm cho 18 trường hợp theo yêu cầu của các bị hại để được chuyển công tác và vào làm ở các ngành trong cơ quan Nhà nước tại tỉnh Hà Giang như: Ngành thuế, ngành y, ngành giáo dục, làm văn thư… Tổng số tiền X đã nhận của các bị hại là 2.525.000.000 đồng, cụ thể đến nay chưa trả được cho bàĐ1 230.000.000 đồng, chưa trả được cho anh B 120.000.000 đồng và chưa trả được cho ông S1 200.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền của các bị hại, Sùng Thị X chuyển cho Hà Thị Bích N 1.255.000.000 đồng, N đã chuyển cho Nguyễn Diệu Hg 140.000.000 đồng. Xác định Số tiền Sùng Thị X giữ lại chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân là 1.270.000.000 đồng; Hà Thị Bích N giữ lại sử dụng vào mục đích cá nhân là 1.115.000.000 đồng; Nguyễn Diệu Hg chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân là 140.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền của các bị hại, các bị cáo đã không thực hiện được công việc như đã hứa và không trả lại tiền cho những người bị hại. Căn cứ vào hành vi của các bị cáo, căn cứ vào tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt của các bị hại được bản án sơ thẩm xác định là 2.525.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội danh và hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, hành vi đó xâm phạm quyền sở hữu tài sản riêng của công dân, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến uy tín và sự hoạt động B2 tH5 của cơ quan, tổ chức, nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo chiếm đoạt số tiền lớn của những người bị hại, đến nay các bị cáo Hà Thị Bích N, Nguyễn Diệu Hg đã trả hết cho bị cáo X những khoản tiền đã nhận, D3 chỉ có bị cáo X là chưa khắc phục được và còn nợ các bị hại với tổng số tiền là 1.113.000.000 đồng nên cần thiết phải xét xử và áp dụng mức hình phạt tù đối với các bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và còn có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

- Xét kháng cáo của những người bị hại, với nội dung đề nghị tăng hình phạt áp dụng đối với các bị cáo X và N, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, các bị cáo đều cố gắng bồi tH5 thiệt hại, khắc phục hậu quả (bị cáo N, Hg đã bồi thường hết; bị cáo X bồi thường hạn chế) nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Ngoài ra, bản thân bị cáo N là người có thành tích xuất sắc trong công tác, là con của Liệt sỹ và bị cáo đã đến cơ quan chức năng đầu thú nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 và điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; bị cáo X có bố được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo là phù hợp. Về tình tiết tăng nặng thấy quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo với nhiều người nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng

nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Do đó, việc phải xét xử, tuyên mức hình phạt nghiêm khắc áp dụng đối với bị cáo là hoàn toàn cần thiết.

Tuy nhiên, xét trong vụ án này thì chính các bị hại cũng có những hành vi không chuẩn mực khi chủ động đến đưa tiền cho bị cáo để nhờ bị cáo xin cho con, em của mình chuyển công tác hoặc được đi làm trong hệ thống các cơ quan Nhà nước, hành vi của những người bị hại phần nào tạo tiền đề cho hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời, thông qua xét hỏi, tranh tụng và đối chất tại phiên tòa hôm nay thấy không có thêm tình tiết mới đáng kể làm ảnh hưởng lớn đến việc tăng hay giảm trách nhiệm hình sự của bị cáo, các tình tiết của vụ án đã được cấp sơ thẩm cơ bản làm rõ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng đều được cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng theo đúng quy định của pháp luật, mức hình phạt 08 năm tù được áp dụng đối với bị cáo X và 04 năm tù áp dụng đối với bị cáo N là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của những người bị hại.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là có căn cứ chấp nhận.

Tổng hợp những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của những người bị hại. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bị cáo, người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ các Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại gồm: Ông Mùng Sảo S1, anh Lý Văn B và bà Vi Thị Đ1.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HSST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Tuyên bố các bị cáo Sùng Thị X, Hà Thị Bích N phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Sùng Thị X 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/5/2018.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; các điểm b, p, s khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hà Thị Bích N 04 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2018 đến ngày 17/12/2018.

2. Bị cáo, những người bị hại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Hà Giang;*
- *VKSND tỉnh Hà Giang;*
- *Công an tỉnh Hà Giang;*
- *Cục THADS tỉnh Hà Giang;*
- *Các bị hại có kháng cáo (theo địa chỉ);*
- *Các bị cáo (qua trại và theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Hồng Sơn